

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	10

15.11
T
1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)
Ông Niraan De Silva	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)
Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)
Ông Lý Trường Chiến	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Nam Đông	Trưởng ban
	(từ ngày 10.4.2018)
Ông Lâm Quốc Thái	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)
Ông Lê Văn Nhượng	Thành viên
	(từ ngày 10.4.2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thái Phong	Phó Tổng Giám đốc
	Tài chính
Ông Niraan De Silva	Phó Tổng Giám đốc
	Chiến lược
	(từ ngày 20.6.2018)
Ông Loh Yeah Wei Jason	Phó Tổng Giám đốc
	Điều hành
	(từ ngày 20.6.2018)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Tầng 1, Tháp văn phòng Mplaza, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Anh Nhung Tổng
Chủ tịch HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 8 năm 2018



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2018, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty phê duyệt ngày 17 tháng 8 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 10 đến trang 45.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty kèm theo là không trình bày trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, được trình bày như số liệu so sánh, chưa được soát xét bởi đơn vị kiểm toán độc lập nào.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM7443
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		140.185.196.470	182.052.180.379
110	Tiền	3	1.139.011.676	10.082.225.490
111	Tiền		1.139.011.676	10.082.225.490
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		24.830.000.000	33.973.712.550
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	24.830.000.000	33.973.712.550
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		109.132.825.973	123.049.641.642
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	17.622.993.571	51.516.276.519
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.114.509.810	7.486.963.226
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	10(a)	18.238.913.953	8.295.498.596
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	65.156.408.639	55.750.903.301
140	Hàng tồn kho	8	-	13.900.813.659
141	Hàng tồn kho		-	14.378.359.114
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(477.545.455)
150	Tài sản ngắn hạn khác		5.083.358.821	1.045.787.038
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	5.083.358.821	1.045.787.038

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		365.826.650.213	238.958.819.634
210	Các khoản phải thu dài hạn		29.746.141.776	56.598.712.628
215	Phải thu về cho vay dài hạn	10(b)	13.000.000.000	43.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	16.746.141.776	13.598.712.628
220	Tài sản cố định		7.681.712.990	7.651.215.097
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	1.096.240.696	1.035.704.367
222	Nguyên giá		4.245.850.786	4.042.981.410
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.149.610.090)	(3.007.277.043)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	6.585.472.294	6.615.510.730
228	Nguyên giá		7.024.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(438.909.860)	(408.871.424)
240	Tài sản dở dang dài hạn		115.475.000	115.475.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		115.475.000	115.475.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		324.701.839.532	155.908.678.127
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	323.751.839.532	155.208.009.115
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	-	400.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(d)	950.000.000	450.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	-	(149.330.988)
260	Tài sản dài hạn khác		3.581.480.915	18.684.738.782
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	3.561.480.916	17.877.814.200
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	19.999.999	806.924.582
270	TỔNG TÀI SẢN		506.011.846.683	421.011.000.013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		179.221.211.653	140.842.652.239
310	Nợ ngắn hạn		149.221.211.653	110.783.000.239
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	8.858.707.594	45.061.536.618
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.153.795.164
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	13	1.337.873.879	2.948.668.176
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.507.746.467	3.853.255.163
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	134.422.479.101	19.475.652.305
320	Vay ngắn hạn	16(a)	1.094.404.612	38.290.092.813
330	Nợ dài hạn		30.000.000.000	30.059.652.000
337	Phải trả dài hạn khác		-	59.652.000
338	Vay dài hạn	16(b)	30.000.000.000	30.000.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		326.790.635.030	280.168.347.774
410	Vốn chủ sở hữu		326.790.635.030	280.168.347.774
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	273.699.680.000	238.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		273.699.680.000	238.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	24.115.560.000	24.115.560.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	28.975.395.030	18.052.787.774
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		18.052.787.774	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay		10.922.607.256	18.052.787.774
440	TỔNG NGUỒN VỐN		506.011.846.683	421.011.000.013

Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Nguyễn Anh Nhượng Tổng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 17 tháng 8 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.753.208.363	70.130.818.808
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(6.110.234)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.753.208.363	70.124.708.574
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(24.484.710.159)	(43.249.241.343)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.268.498.204	26.875.467.231
21	Doanh thu hoạt động tài chính	44.879.422.454	2.451.981.106
22	Chi phí tài chính	(1.872.335.863)	(6.315.875.847)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.872.335.863)	(6.192.075.847)
25	Chi phí bán hàng	(136.424.674)	(8.133.277.233)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.483.101.588)	(7.198.729.066)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.656.058.533	7.679.566.191
31	Thu nhập khác	-	-
32	Chi phí khác	(246.846.694)	(33.934.921)
40	Lỗ khác	(246.846.694)	(33.934.921)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.409.211.839	7.645.631.270
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(1.145.913.238)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(786.924.583)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.622.287.256	6.499.718.032

Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập

Võ Thái Phong
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Nguyễn Anh Nhung Tổng
Chủ tịch HĐQT
Ngày 17 tháng 8 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

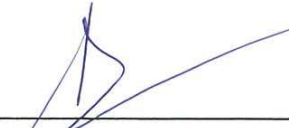
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 03a – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	47.409.211.839	7.645.631.270
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11 172.371.483	230.446.488
03	Hoàn nhập dự phòng	(626.876.443)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(44.879.422.454)	(2.450.554.052)
06	Chi phí lãi vay	1.872.335.863	6.192.075.847
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.947.620.288	11.617.599.553
09	Giảm các khoản phải thu	65.143.518.572	5.249.015.164
10	Giảm hàng tồn kho	14.378.359.114	1.421.966.877
11	Giảm các khoản phải trả	(22.202.384.804)	(31.247.999.459)
12	Giảm chi phí trả trước	10.278.761.501	31.275.888.980
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.934.086.470)	(4.953.989.098)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(182.031.763)	(2.851.212.840)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	69.429.756.438	10.511.269.177
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(202.869.376)	-
23	Chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	(42.791.830.985)	(6.300.000.000)
24	Thu hồi từ cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	61.365.000.000	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(61.275.000.000)	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.727.418.310	2.450.554.052
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(41.177.282.051)	(3.849.445.948)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	7.275.290.337	183.883.905.506
34	Chi trả nợ gốc vay	(44.470.978.538)	(77.901.961.470)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(37.195.688.201)	105.981.944.036
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(8.943.213.814)	112.643.767.265
60	Tiền đầu kỳ	3 10.082.225.490	7.435.012.010
70	Tiền cuối kỳ	3 1.139.011.676	120.078.779.275

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh 29.


Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập


Võ Thái Phong
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Nguyễn Anh Nhung Tổng
Giám đốc HĐQT
Ngày 17 tháng 8 năm 2018



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh bình thường của Công ty là trong vòng 12 (mười hai) tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 36 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 17 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 9 công ty con sở hữu trực tiếp và 8 công ty con sở hữu gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8 công ty con sở hữu trực tiếp, 5 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của cả Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

(a) Chương trình truyền hình

Chương trình truyền hình được ghi nhận là hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí hậu cần để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chương trình truyền hình được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc số dư giảm dần dựa vào số lần phát sóng.

(b) Hàng hóa

Hàng hóa được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua và chi phí khác để có thể có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

(c) Dự phòng

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc phát sóng chương trình. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời và chậm lưu chuyển.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Chủ tịch HĐQT của Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên. Các khoản phải thu về cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu về cho vay khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Chủ tịch HĐQT đối với tất cả các khoản phải thu về cho vay còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

(c) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(d) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Phương tiện vận tải	10% – 33%
Máy móc thiết bị	10% – 20%
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí phục vụ việc tăng vốn, thiết bị đã đưa vào sử dụng và chi phí dịch vụ khác. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.12 Các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng được phân loại là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được phân loại lại là vay ngắn hạn để có kế hoạch chi trả. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chính sách kế toán nêu tại Thuyết minh 2.11.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa vào ngày chốt quyền nhận cổ tức đã được công bố.

Công ty trích lập quỹ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ chủ yếu bao gồm chi phí sản xuất chương trình, chi phí ủy quyền khai thác, chi phí phát sinh của hàng hóa và được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và chiết khấu thanh toán.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng và các chi phí khác.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty, chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí về vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp và các chi phí dịch vụ, tiện ích khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc soạn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Chủ tịch HĐQT phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch HĐQT, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

3 TIỀN

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Tiền mặt	465.915.416	258.144.005
Tiền gửi ngân hàng	673.096.260	9.824.081.485
	<u>1.139.011.676</u>	<u>10.082.225.490</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30.6.2018</u>		<u>31.12.2017</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	24.830.000.000	24.830.000.000	33.973.712.550	33.973.712.550

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng đến dưới một năm và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 6,8%/năm (2017: 5%/năm đến 6%/năm). Các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.6.2018				31.12.2017			
			Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	-	99,00	29.700.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	4.334.126.249	(*)	-	99,00	2.334.126.249	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Giải trí Rộng	Quảng cáo, sản xuất phim	99,00	9.900.000.000	(*)	-	99,00	9.900.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần NVU	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	90,00	30.000.000.000	(*)	-	90,00	5.425.000.000	(*)	-
5	Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	80,00	11.304.000.000	(*)	-	80,00	11.304.000.000	(*)	-
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	-	67,00	5.100.000.000	(*)	-
7	Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến NetLink	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	76,00	119.885.963.283	(*)	-	51,00	86.344.882.866	(*)	-
8	Công ty Cổ phần Truyền thông ON+	Quảng cáo	51,00	5.100.000.000	(*)	-	51,00	5.100.000.000	(*)	-
9	Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam	Công nghệ thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	51,00	107.227.750.000	(*)	-	-	-	-	-
				<u>323.751.839.532</u>				<u>155.208.009.115</u>		

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các công ty con trên cao hơn giá gốc của các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

S TT	Tên công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết năm giữ %
1	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,49	51,00
2	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	Singapore	89,10	90,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90,09	100,00
4	Công ty Netlink Online Corporation	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	Seychelles	76,00	100,00
5	Công ty Cổ phần SMB	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	84,15	85,00
6	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Quảng cáo	Bến Tre, Việt Nam	90,09	90,09
7	Công ty Cổ phần ZeroZ	Sản xuất phim, dịch vụ thiết kế chuyên nghiệp	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	94,05	95,00
8	Công ty Cổ phần Công nghệ và Dược phẩm Trí Tâm	Buôn bán thực phẩm chức năng, thực phẩm, dụng cụ y tế, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Hà Nội, Việt Nam	50,49	99,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	30.6.2018		31.12.2017			
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tin học và Truyền thông Kết Nối Trẻ	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	40.00	400.000.000	250.669.012	(149.330.988)

Trong kỳ, Công ty đã thu hồi khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Tin học và Truyền thông Kết Nối Trẻ.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	30.6.2018		31.12.2017					
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15	-	950.000.000	(*)	15	450.000.000	(*)	-

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do công ty này chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của công ty trên cao hơn giá trị gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	3.196.107.503	3.120.711.076
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.828.192.310	1.828.181.627
Khác	1.844.681.427	2.070.347.558
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	10.754.012.331	44.497.036.258
	<u>17.622.993.571</u>	<u>51.516.276.519</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ bên thứ ba để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 16).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Truyền thông Đa phương tiện Châu Á	4.218.861.600	4.218.861.600
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa phương tiện VinaCJ	2.800.000.000	2.800.000.000
Khác	1.095.648.210	468.101.626
	<u>8.114.509.810</u>	<u>7.486.963.226</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Phải thu cổ tức	29.956.279.231	34.629.069.406
Phải thu từ hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	17.500.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng kênh	14.217.730.920	-
Lãi dự thu từ hợp tác kinh doanh (*)	2.100.000.000	2.806.543.782
Tạm ứng cho nhân viên	1.302.398.488	815.290.113
Khác	80.000.000	-
	<u>65.156.408.639</u>	<u>55.750.903.301</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	45.404.457.151	35.136.561.714
Bên thứ ba	19.751.951.488	20.614.341.587
	<u>65.156.408.639</u>	<u>55.750.903.301</u>

(*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng. Việc phân chia doanh thu sẽ căn cứ vào doanh thu hàng năm của dự án, theo đó, chủ đầu tư đồng ý đảm bảo phân chia doanh thu cho Công ty là 5,5%/năm, dựa trên tổng doanh thu hàng năm trong suốt quá trình hợp tác hoặc tối thiểu 15% trên tổng vốn góp nếu dự án không phát sinh doanh thu.

Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Bảo lãnh thanh toán (**)	10.447.919.503	8.000.000.000
Lãi tiền cho vay	5.003.920.603	4.176.712.523
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	1.294.301.670	1.422.000.105
	<u>16.746.141.776</u>	<u>13.598.712.628</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	15.451.840.106	12.176.712.523
Bên thứ ba	1.294.301.670	1.422.000.105
	<u>16.746.141.776</u>	<u>13.598.712.628</u>

(**) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến, bên liên quan, để sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử (Thuyết minh 30(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2018		31.12.2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chương trình chờ duyet phát sóng	-	-	7.152.727.272	-
Hàng hóa	-	-	7.225.631.842	(477.545.455)
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.378.359.114</u>	<u>(477.545.455)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng	Năm tài chính
	kết thúc ngày	kết thúc ngày
	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	(477.545.455)	(477.545.455)
Hoàn nhập dự phòng	477.545.455	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>-</u>	<u>(477.545.455)</u>

Please
SIGN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Chi phí phục vụ việc tăng vốn	5.041.792.873	-
Công cụ, dụng cụ	41.565.948	66.353.303
Chi phí dịch vụ trả trước	-	979.433.735
	<u>5.083.358.821</u>	<u>1.045.787.038</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Chi phí dịch vụ trả trước	3.456.692.647	4.012.659.417
Công cụ, dụng cụ	104.788.269	228.791.148
Chi phí đầu tư phát triển dự án truyền hình	-	13.636.363.635
	<u>3.561.480.916</u>	<u>17.877.814.200</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng	Năm tài chính
	kết thúc ngày	kết thúc ngày
	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	17.877.814.200	35.595.250.890
Tăng trong kỳ/năm	390.008.327	684.535.619
Phân bổ trong kỳ/năm	(488.610.691)	(18.401.972.309)
Chuyển nhượng cho công ty con trong kỳ/năm (Thuyết minh 30(a))	(14.217.730.920)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>3.561.480.916</u>	<u>17.877.814.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

10 PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Ngắn hạn

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Bên thứ ba	-	819.909.876
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b)) (*)	18.238.913.953	7.475.588.720
	<u>18.238.913.953</u>	<u>8.295.498.596</u>

(*) Đây là khoản cho vay các bên liên quan hưởng lãi suất 0%/ năm, có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(b) Dài hạn

Đây là các khoản cho Ông Võ Thái Phong, Phó Tổng Giám đốc Tài chính, vay có kỳ hạn 48 tháng với hạn mức 43.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm của Công ty Cổ phần Việt Nam Trực tuyến có thời hạn 18 tháng với số tiền là 30.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ số cổ phần của Ông Võ Thái Phong tại Công ty. Khoản cho vay này có lãi suất 10%/năm (Thuyết minh 30(b)). Trong kỳ, Công ty đã thu hồi 30.000.000.000 đồng từ khoản cho vay này.

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	3.139.273.635	903.707.775	4.042.981.410
Mua trong kỳ	-	202.869.376	202.869.376
	<u>3.139.273.635</u>	<u>1.106.577.151</u>	<u>4.245.850.786</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.139.273.635	1.106.577.151	4.245.850.786
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.196.234.767	811.042.276	3.007.277.043
Khấu hao trong kỳ	123.474.498	18.858.549	142.333.047
	<u>2.319.709.265</u>	<u>829.900.825</u>	<u>3.149.610.090</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.319.709.265	829.900.825	3.149.610.090
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	943.038.868	92.665.499	1.035.704.367
	<u>943.038.868</u>	<u>92.665.499</u>	<u>1.035.704.367</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	819.564.370	276.676.326	1.096.240.696
	<u>819.564.370</u>	<u>276.676.326</u>	<u>1.096.240.696</u>

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, TSCĐ hữu hình với tổng giá trị còn lại là 905.479.691 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.028.954.189 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 1.536.655.955 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.450.746.637 đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.500.000.000	2.524.382.154	7.024.382.154
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	408.871.424	408.871.424
Khấu hao trong kỳ	-	30.038.436	30.038.436
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	-	438.909.860	438.909.860
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.500.000.000	2.115.510.730	6.615.510.730
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.500.000.000	2.085.472.294	6.585.472.294

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại là 4.500.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.500.000.000 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2018		31.12.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH MTV Long Ngọc Châu	4.195.113.085	4.195.113.085	-	-
Công ty TNHH Truyền hình Kỹ thuật số Miền Nam	2.909.499.999	2.909.499.999	2.909.499.999	2.909.499.999
Công ty TNHH Sky và Stars Production	409.013.550	409.013.550	-	-
Công ty TNHH Rohto- Mentholatum (Việt Nam)	45.040.371	45.040.371	1.352.397.564	1.352.397.564
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hoàng Mai	-	-	1.073.824.400	1.073.824.400
Khác	1.190.040.589	1.190.040.589	2.320.670.174	2.320.670.174
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	110.000.000	110.000.000	37.405.144.481	37.405.144.481
	<u>8.858.707.594</u>	<u>8.858.707.594</u>	<u>45.061.536.618</u>	<u>45.061.536.618</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2018	Số phát sinh trong kỳ	Cán trừ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30.6.2018
	VND	VND		VND	VND
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	2.190.591.910	2.495.590.934	(710.573.915)	(3.434.013.272)	541.595.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.031.763	-	-	(182.031.763)	-
Thuế thu nhập cá nhân	576.044.503	570.358.783	-	(350.125.064)	796.278.222
Thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	<u>2.948.668.176</u>	<u>3.068.949.717</u>	<u>(710.573.915)</u>	<u>(3.969.170.099)</u>	<u>1.337.873.879</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.407.746.467	3.465.384.663
Trích trước chi phí thiết kế	100.000.000	-
Chi phí khác	-	387.870.500
	<u>3.507.746.467</u>	<u>3.853.255.163</u>
Trong đó		
Bên thứ ba	-	445.508.696
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	3.507.746.467	3.407.746.467
	<u>3.507.746.467</u>	<u>3.853.255.163</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2018		31.12.2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả mua công ty con (*)	115.216.713.283	115.216.713.283	7.447.882.866	7.447.882.866
Phải trả tiền vay không lãi suất	18.560.573.726	18.560.573.726	11.713.159.203	11.713.159.203
Khác	645.192.092	645.192.092	314.610.236	314.610.236
	<u>134.422.479.101</u>	<u>134.422.479.101</u>	<u>19.475.652.305</u>	<u>19.475.652.305</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	18.560.573.726	18.560.573.726	11.717.304.573	11.717.304.573
Bên thứ ba	115.861.905.375	115.861.905.375	7.758.347.732	7.758.347.732
	<u>134.422.479.101</u>	<u>134.422.479.101</u>	<u>19.475.652.305</u>	<u>19.475.652.305</u>

(*) Số dư bao gồm khoản phải trả 101.227.750.000 đồng liên quan đến việc Công ty nhận chuyển nhượng 51% cổ phần Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam vào ngày 1 tháng 4 năm 2018. Số dư còn lại 13.988.963.283 đồng liên quan đến việc Công ty mua thêm 25% cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink vào ngày 1 tháng 1 năm 2018. Số dư này sẽ được Công ty thanh toán cho các bên sau khi Công ty tăng vốn thành công.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

16 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (*)	19.290.092.813	7.275.290.337	(25.470.978.538)	1.094.404.612
Ngân hàng United Overseas Việt Nam	19.000.000.000	-	(19.000.000.000)	-
	<u>38.290.092.813</u>	<u>7.275.290.337</u>	<u>(44.470.978.538)</u>	<u>1.094.404.612</u>

(*) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 11037/18MN/HDTĐ có hạn mức 17.000.000.000 đồng mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng"), có thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn trả nợ mỗi lần giải ngân được quy định cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ. Các khoản vay này chịu lãi suất 10%/năm cho khoản vay bằng Đồng Việt Nam và 4%/năm cho khoản vay bằng ngoại tệ. Các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh chương trình truyền hình, phát hành phim, quảng cáo thương mại và hoạt động giải trí khác. Các khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 826, 828 tờ bản đồ số 22, ấp Suối Cát, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (Thuyết minh 11(b)) và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 11(a)) và Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1, một công ty con của Công ty; 5.000.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của ông Nguyễn Anh Nhượng Tổng hoặc/và một bên thứ ba được Ngân hàng chấp thuận; quyền đòi nợ đã hình thành từ các đối tác Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam, Công ty TNHH Truyền thông WPP, Công ty Cổ phần Truyền thông TK-L, Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VAC và Công ty TNHH Truyền thông Dentsu Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 5) và Hợp đồng tiền gửi/ số tiết kiệm mở tại Ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 4(a)).

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.6.2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (**)	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000

(**) Đây là các khoản vay bằng Đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ("HĐTĐ") số 9989/16/HDTĐTDH-DN/140 có hạn mức 30.000.000.000 đồng, có thời hạn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày giải ngân. Các khoản vay này để tham gia hợp tác cùng Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến để triển khai dự án Webmoney Việt Nam. Khoản vay chịu lãi suất 9,3%/năm và được điều chỉnh ba (3) tháng một lần. Tiền lãi thanh toán định kỳ hàng tháng, tiền gốc thanh toán vào cuối kỳ hạn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi tương đương 30.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến tại Ngân hàng.

17 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết của tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	19.999.999	806.924.582

Biến động của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2018 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	806.924.582	164.446.849
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Thuyết minh 27)	(786.924.583)	642.477.733
Số dư cuối kỳ/năm	19.999.999	806.924.582

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chủ yếu phát sinh từ các khoản dự phòng. Thuế suất thuế thu nhập hoãn lại sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 20% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 20%).

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng năm (5) năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp nhận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2017	Chưa quyết toán	2.127.238.583	-	2.127.238.583

Công ty đã không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	<u>30.6.2018</u>	<u>31.12.2017</u>
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	27.369.968	23.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	27.369.968	23.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.369.968	23.800.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30.6.2018</u>		<u>31.12.2017</u>	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tợng	7.421.408	27,12	9.853.399	41,40
Ông Hồ Ngọc Tấn	3.910.000	14,29	-	-
Ancla Assets Ltd.	3.419.249	12,49	2.973.260	12,49
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	1.954.582	7,14	8.499.637	35,71
Macquarie Bank Limited	1.572.000	5,74	-	-
Ông Đào Phúc Trí	1.195.422	4,37	1.039.498	4,37
Cổ đợng khác	7.897.307	28,85	1.434.206	6,03
	<u>27.369.968</u>	<u>100,00</u>	<u>23.800.000</u>	<u>100,00</u>

(c) Tình hình biến đợng của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tợng cợng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	10.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	13.800.000	138.000.000.000	138.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>23.800.000</u>	<u>238.000.000.000</u>	238.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	3.569.968	35.699.680.000	35.699.680.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>27.369.968</u>	<u>273.699.680.000</u>	273.699.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đợng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	100.000.000.000	115.560.000	3.991.936.684	104.107.496.684
Lợi nhuận trong năm	-	-	32.280.851.090	32.280.851.090
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	18.220.000.000	-	(18.220.000.000)	-
Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	113.780.000.000	-	-	113.780.000.000
Phát hành cổ phần cho nhân viên	6.000.000.000	24.000.000.000	-	30.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	238.000.000.000	24.115.560.000	18.052.787.774	280.168.347.774
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	46.622.287.256	46.622.287.256
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	35.699.680.000	-	(35.699.680.000)	-
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	273.699.680.000	24.115.560.000	28.975.395.030	326.790.635.030

(i) Theo Nghị quyết 01/2018/NQ/ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phần bằng nguồn lợi nhuận giữ lại với tỷ lệ 15% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu.

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(a) Ngoại tệ các loại**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm 73 chỉ vàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3 Đô la Mỹ và 55 chỉ vàng).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Mức thanh toán tối thiểu Công ty phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 19.623.477.237 đồng và 49.824.941.284 đồng (Thuyết minh 31(a)).

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán chương trình	16.500.000.000	24.250.000.000
Doanh thu bán hàng	9.583.343.976	-
Doanh thu ủy quyền khai thác	8.110.084.105	13.404.475.182
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.559.780.282	553.499.994
Doanh thu quảng cáo	-	31.922.843.632
	<u>39.753.208.363</u>	<u>70.130.818.808</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(6.110.234)
	<u>-</u>	<u>(6.110.234)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần từ bán chương trình	16.500.000.000	24.250.000.000
Doanh thu thuần từ bán hàng	9.583.343.976	-
Doanh thu thuần từ ủy quyền khai thác	8.110.084.105	13.404.475.182
Doanh thu thuần từ cho thuê mặt bằng	5.559.780.282	553.499.994
Doanh thu thuần từ quảng cáo	-	31.916.733.398
	<u>39.753.208.363</u>	<u>70.124.708.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Giá vốn hàng bán	8.362.899.142	-
Giá vốn bán chương trình	7.152.727.272	10.132.670.188
Giá vốn ủy quyền khai thác	5.996.051.745	9.469.696.965
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.973.032.000	1.594.442.807
Giá vốn quảng cáo	-	22.052.431.383
	<u>24.484.710.159</u>	<u>43.249.241.343</u>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 30(a))	44.310.052.396	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	569.370.058	2.450.554.052
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.427.054
	<u>44.879.422.454</u>	<u>2.451.981.106</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí lãi vay	1.872.335.863	6.192.075.847
Chiết khấu thanh toán	-	123.800.000
	<u>1.872.335.863</u>	<u>6.315.875.847</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.474.498	196.724.508
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	12.950.176	21.451.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	7.816.227.585
Chi phí khác	-	98.874.000
	<u>136.424.674</u>	<u>8.133.277.233</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.763.493.915	3.271.859.949
Chi phí nhân viên	3.451.409.913	1.550.242.090
Chi phí tiếp khách, công tác phí	2.135.423.585	818.855.357
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	1.083.877.190	1.524.049.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.896.985	33.721.980
	<u>10.483.101.588</u>	<u>7.198.729.066</u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% (2017: 20%) và được thể hiện như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
	(Chưa soát xét)	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	47.409.211.839	7.645.631.270
Thuế tính ở thuế suất 20%	9.481.842.368	1.529.126.254
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(8.862.010.479)	(383.213.016)
Chi phí không được khấu trừ	49.369.339	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	117.723.355	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>786.924.583</u>	<u>1.145.913.238</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	1.145.913.238
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 17)	786.924.583	-
	<u>786.924.583</u>	<u>1.145.913.238</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.626.361.245	45.122.388.046
Chi phí hàng hóa	8.362.899.142	-
Chi phí sản xuất chương trình	7.152.727.272	10.132.670.188
Chi phí nhân viên	4.693.049.913	1.550.242.090
Chi phí phân phối công cụ	1.096.827.366	1.545.500.830
Chi phí khấu hao TSCĐ	172.371.483	230.446.488
	<u>35.104.236.421</u>	<u>58.581.247.642</u>

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018	30.6.2017
	VND	VND
		(Chưa soát xét)
Chia cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận giữ lại	35.699.680.000	-
Mua công ty con bằng khoản phải trả	115.216.713.283	-
Nhận cổ tức không bằng tiền	29.956.279.231	-
	<u></u>	<u></u>

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(b) Số tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực thu trong kỳ

	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
Thu hồi khoản cho vay theo kế ước thông thường	30.000.000.000	-
Thu hồi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn	31.365.000.000	-
	<u>61.365.000.000</u>	<u>-</u>

(c) Số tiền cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực chi trong kỳ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
Chi cho vay không lãi suất	19.291.830.985	-
Chi tiền gửi có kỳ hạn	23.500.000.000	6.300.000.000
	<u>42.791.830.985</u>	<u>6.300.000.000</u>

(d) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
Vay theo kế ước thông thường	7.275.290.337	183.883.905.506
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	113.780.000.000
	<u>7.275.290.337</u>	<u>297.663.905.506</u>

(e) Số tiền đi vay thực chi trong kỳ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	44.470.978.538	77.901.961.470

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tên
Công ty con	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1
Công ty con	Công ty Cổ phần Giải trí Rồng
Công ty con	Công ty Cổ phần NVU
Công ty con	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.
Công ty con	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1
Công ty con	Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim
Công ty con	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ
Công ty con	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam
Công ty con	Công ty Cổ phần Truyền thông On+
Công ty con	Công ty Cổ phần SMB
Công ty con	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT
Công ty con	Công ty Cổ phần Truyền thông trực tuyến Netlink
Công ty con	Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số
Công ty con	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative
Công ty con	Công ty Cổ phần Trực tuyến Netlink
Công ty con	Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam
Công ty con	Công ty Cổ phần Công nghệ và Dược phẩm Trí Tâm
Công ty thuộc sở hữu của Cổ đông Công ty Cổ đông	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến
Cổ đông	Công ty Ancla Assets Limited
Cổ đông	Công ty DFJ Vinacapital Venture Investment Ltd.
Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đào Phúc Trí
Ban Tổng Giám đốc	Ông Võ Thái Phong
Người liên quan (Thành viên gia đình của Chủ tịch HĐQT)	Bà Nguyễn Thị Trúc Mai

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày kể từ thời điểm các bên này chính thức trở thành bên liên quan. Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	20.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	8.549.370.917	36.068.181.818
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.527.616.759	1.586.293.364
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	414.627.270	379.909.086
Công ty Cổ phần SMB	305.078.429	-
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	122.839.969	456.130.098
Công ty Cổ phần NVU	-	3.900.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	173.590.914	173.590.908
	<u>31.643.124.258</u>	<u>42.564.105.274</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

30THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	4.685.385.455	-
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	-	2.491.243.636
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	454.545.455
	<u>4.985.385.455</u>	<u>2.945.789.091</u>
iii) Tạm ứng tiền thực hiện hợp đồng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	<u>2.447.919.503</u>	<u>-</u>
iv) Tiền lãi vay		
Ông Võ Thái Phong	827.208.080	2.009.041.096
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	705.688.827
	<u>-</u>	<u>2.714.730.923</u>
v) Góp vốn		
Công ty Cổ phần NVU	24.575.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	1.200.000.000	-
	<u>27.775.000.000</u>	<u>-</u>
vi) Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Giải trí Rõng	20.616.704.125	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	16.360.319.302	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink	4.722.638.538	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	1.532.153.054	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.037.454.991	-
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	40.782.386	-
	<u>44.310.052.396</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2018 VND	30.6.2017 VND (Chưa soát xét)
vii) Phát hành trái phiếu		
Ancla Assets Limited	-	68.268.000.000
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tổng	-	39.800.000.000
Ông Võ Thái Phong	-	1.566.000.000
Ông Đào Phúc Trí	-	3.891.000.000
Bà Nguyễn Thị Trúc Mai	-	255.000.000
	<u>-</u>	<u>113.780.000.000</u>
viii) Cho vay		
Ông Võ Thái Phong	-	30.000.000.000
	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>
ix) Thu hồi khoản cho vay		
Ông Võ Thái Phong	30.000.000.000	-
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>
x) Thu nhập từ chuyển nhượng kênh cho công ty con		
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	14.217.730.920	-
	<u>14.217.730.920</u>	<u>-</u>
xi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.343.470.000	638.821.000
	<u>1.343.470.000</u>	<u>638.821.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	7.225.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	1.649.661.243	6.979.690.801
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	886.915.917	704.645.457
Công ty Cổ phần SMB	305.078.429	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	228.044.998	81.650.000
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	186.471.775	16.185.000.000
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ròng	122.839.969	-
Công ty Cổ phần NVU	-	20.546.050.000
	<u>10.754.012.331</u>	<u>44.497.036.258</u>

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))

Công ty Cổ phần Giải trí Ròng	17.887.674.163	1.337.062.340
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	15.255.185.911	1.349.111.673
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	4.735.576.099	2.773.203.410
Công ty Cổ phần Truyền thông Trực tuyến Netlink	4.722.638.538	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	1.532.153.054	-
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	1.150.447.000	500.000.000
Công ty Cổ phần SMB	80.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	40.782.386	-
Công ty Cổ phần NVU	-	29.169.691.983
Bà Nguyễn Thị Trúc Mai	-	7.492.308
	<u>45.404.457.151</u>	<u>35.136.561.714</u>

Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))

Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực Tuyến	10.447.919.503	8.000.000.000
Ông Võ Thái Phong	5.003.920.603	4.176.712.523
	<u>15.451.840.106</u>	<u>12.176.712.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2018 VND	31.12.2017 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 10(a))		
Công ty Cổ phần NVU	11.396.388.838	42.809.886
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	5.386.372.611	-
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	1.236.152.504	7.432.778.834
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	220.000.000	-
	<u>18.238.913.953</u>	<u>7.475.588.720</u>
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 10(b))		
Ông Võ Thái Phong	13.000.000.000	43.000.000.000
	<u>13.000.000.000</u>	<u>43.000.000.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	28.362.426.663
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	-	5.049.048.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	-	3.990.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Rồng	-	3.669.818
	<u>110.000.000</u>	<u>37.405.144.481</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Ancla Assets Limited	3.407.746.467	3.407.746.467
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	100.000.000	-
	<u>3.507.746.467</u>	<u>3.407.746.467</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	17.560.573.726	4.331.583.152
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	-	7.365.375.812
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	-	16.200.239
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	4.145.370
	<u>18.560.573.726</u>	<u>11.717.304.573</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

31 CÁC KHOẢN CAM KẾT

(a) Thuế hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuế hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuế vẫn phòng		Chi phí thuế kênh		Tổng cộng	
	30.6.2018	31.12.2017	30.6.2018	31.12.2017	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dưới 1 năm	7.416.083.840	6.427.958.175	-	30.250.000.000	7.416.083.840	36.677.958.175
Từ 1 đến 5 năm	12.207.393.397	13.146.983.109	-	-	12.207.393.397	13.146.983.109
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	19.623.477.237	19.574.941.284	-	30.250.000.000	19.623.477.237	49.824.941.284

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09a – DN

31 CÁC KHOẢN CAM KẾT (tiếp theo)**(b) Góp vốn vào công ty con**

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam	12.584.250.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	10.515.873.751	12.515.873.751
Công ty Cổ phần Thương mại Thế giới Phim	696.000.000	696.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Yeah1	400.000.000	400.000.000
	<u>24.196.123.751</u>	<u>13.611.873.751</u>

(c) Góp vốn vào đơn vị khác

	30.6.2018	31.12.2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	<u>4.681.862.500</u>	<u>-</u>

32 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**Thành lập công ty con**

Vào ngày 18 tháng 7 năm 2018, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần YAG Entertainment (“YAG”) với tỷ lệ sở hữu là 85% với vốn điều lệ là 18.400.000.000 đồng. Ngành nghề chính của YAG là hoạt động hậu kỳ, hoạt động chiếu phim và hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ này.

Bảng cân đối kế toán riêng

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	171.687.624.732	10.364.555.647	182.052.180.379
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	112.685.085.995	10.364.555.647	123.049.641.642
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	8.295.498.596	8.295.498.596
136	Phải thu ngắn hạn khác	53.681.846.250	2.069.057.051	55.750.903.301
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	249.323.375.281	(10.364.555.647)	238.958.819.634
210	Các khoản phải thu dài hạn	66.963.268.275	(10.364.555.647)	56.598.712.628
215	Phải thu về cho vay dài hạn	35.864.555.647	7.135.444.353	43.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	31.098.712.628	(17.500.000.000)	13.598.712.628
250	Đầu tư tài chính dài hạn	155.458.678.127	450.000.000	155.908.678.127
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	450.000.000	450.000.000
260	Tài sản dài hạn khác	19.134.738.782	(450.000.000)	18.684.738.782
268	Tài sản dài hạn khác	450.000.000	(450.000.000)	-

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 17 tháng 8 năm 2018.


Trần Thị Lào
Kế toán trưởng/Người lập


Võ Thái Phong
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Nguyễn Anh Nhung Tổng
Chủ tịch HĐQT